

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 06 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

2. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thanh Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: Ấp 12, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: Ấp 12, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà và ông T sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1990, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25 tháng 9 năm 2003. Ly thân từ tháng 08 năm 2019 cho đến nay, lý do: Vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn và cự cãi, có lần ông T lấy dao chém bà và bà bỏ chạy nên đã ly thân cho đến nay. Hiện tại bà và ông T mỗi người sống một nơi và không ai quan tâm chăm sóc nhau. Nay bà

nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc và không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

+ Việc nuôi con: Bà và ông T có hai người con chung và hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chia tài sản: Bà và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai được.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị N xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

+ Về quan hệ con và chia tài sản: Do không có không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn bà Bùi Thị N vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân:** Do ông Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể tiến hành lấy lời khai nên căn cứ vào lời khai của bà Bùi Thị N để giải quyết. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của bà N đã chứng minh được, bà và ông T ly thân tháng 08 năm 2019 cho đến nay, với những lý do mà bà N đưa ra. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của bà N được ly hôn với ông T.

[3]. **Việc nuôi con và việc chia tài sản:** Do không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. **Về án phí:**

- Bà Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền đã tạm ứng 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003523 ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 8, 9, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Thanh T.

2. Việc nuôi con và chia tài sản: Do không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

- Bà Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ, khấu trừ số tiền đã tạm ứng 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003523 ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

- Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn

